TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà Nguyễn Thị Tám;
+ Bà Nguyễn Hồng Trang.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 348/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm T , sinh năm 1981; cư trú tại: Số nhà 24A, khu phố N, phường T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

- *Bị đơn*: Anh Lê Quốc K, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp Đ, xã V, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phạm T trình bày:

Chị Phạm T và anh Lê Quốc K tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh) từ năm 2009. Đời sống hôn nhân giữa chị T và anh K hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường xuyên uống rượu, có lời nói xúc phạm và có hành vi đánh chị T nhiều lần, chị và anh K đã có thời gian sống ly thân.

Tháng 9/2019, chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh K, quá trình giải quyết vụ án, chị T tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, đoàn tụ gia đình và tin anh K sẽ sửa đổi, nhưng từ khi về đoàn tụ vợ chồng thì anh K vẫn tiếp tục thực hiện hành vi nêu trên. Chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị Phạm T và anh Lê Quốc K chung sống có 02 con chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 29/10/2009 và Lê Quốc C, sinh ngày 15/02/2015, hiện nay con đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 24/9/2019, bị đơn - anh Lê Quốc K trình bày:

Anh K thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống vợ chồng, về con chung nhưng xác định không có mâu thuẫn, không đồng ý ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nếu chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn anh.

Biên bản ghi lời khai ngày 30/7/2019 thể hiện cháu Lê Quốc H có nguyện vọng được sống chung với chị Phạm T.

Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:

Những người hàng xóm gần nơi chị Phạm T và anh Lê Quốc K chung sống vợ chồng xác nhận anh K có thường xuyên uống rượu và có hành vi đánh chị T nhưng không biết rõ nguyên nhân; hiện nay không thấy chị T và anh K sống chung.

Chị Phạm T và anh Lê Quốc K có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành được thủ tục hòa giải, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị Phạm T và anh Lê Quốc K có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm K. Chị T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên: Lê Quốc H, sinh ngày 29/10/2009 và Lê Quốc C, sinh ngày 15/02/2015, ghi nhận chị T không yêu cầu anh

K cấp dưỡng nuôi con; chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Phạm T và anh Lê Quốc K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm T và anh Lê Quốc K chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh năm 2009. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống vợ chồng của chị T và anh K mâu thuẫn phát sinh từ việc anh K ham mê uống rượu và có hành vi bạo lực gia đình.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm T và anh Lê Quốc K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, chị T và anh K chấm dứt quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Phạm T và anh Lê Quốc K có 02 con chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 29/10/2009 và Lê Quốc C, sinh ngày 15/02/2015.

Xét yêu cầu của chị T và anh K về việc được trực tiếp nuôi 02 con chung: Hội đồng xét xử xét thấy anh K thường xuyên uống rượu, có hành vi bạo lực gia đình, cháu Lê Quốc H có nguyện vọng được sống với chị T, cháu Lê Quốc C hiện còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ và hiện nay con chung đang sống chung với chị T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao chị Phạm Ttrực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Phạm T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh K không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau ly hôn được quy định tại các Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm T và anh Lê Quốc K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 , Điều 147 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm T, chị Phạm T được ly hôn với anh Lê Quốc K.

Về con chung: Giao chị Phạm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 29/10/2009 và Lê Quốc C, sinh ngày 15/02/2015. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Phạm T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Lê Quốc K không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm T và anh Lê Quốc K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng khấu trừ chị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006465 ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTr-NV-THA,Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thanh Tuấn